

Số: 1191/2017/CV-CPA VIETNAM

*V/v:Đính chính Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017*

Hà Nội, ngày 14 tháng 09 năm 2017

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3**

Chúng tôi xin đính chính số liệu các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 (đã được soát xét theo Báo cáo soát xét số 656/2017/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM ngày 21/8/2017) như sau:

**\* Số liệu trước đính chính:**

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ do ảnh hưởng tại mã số 23:

- + Tiền chi cho vay, mua bán các công cụ nợ của đơn vị khác "MS: 23": 17.000.000.000 đồng.
- + Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh "MS: 20": (8.604.417.432) đồng.
- + Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư "MS: 30": 11.211.927.931 đồng.

**\* Số liệu sau đính chính:**

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ: Đính chính lại các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- + Tăng, giảm các khoản phải thu "MS: 09": (51.383.869.255) đồng.
- + Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh "MS: 20": 8.935.582.568 đồng.
- + Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư "MS: 30": (5.788.072.069) đồng.

Chúng tôi xin cam kết số liệu trên đây là trung thực, hợp lý.

Bản đính chính này được đính kèm, không tách rời Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 (đã được soát xét).

***Nơi nhận:***

- Như trên
- Lưu

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Bùi Thị Thúy**

**Bản đính chính Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (kèm theo)****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
			VND	VND
I	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		12.080.405.383	14.818.920.685
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao TSCĐ	02		2.197.557.702	1.562.321.094
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.470.336.959)	(744.389.223)
- Chi phí lãi vay	06		2.757.674.244	1.735.045.912
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		14.565.300.370	17.371.898.468
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(51.383.869.255)	11.798.787.644
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		27.203.179.129	70.729.855.467
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		25.218.089.695	(140.772.692.142)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.272.277.455)	(499.360.733)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.386.803.980)	(2.140.767.573)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.008.035.936)	(3.789.807.598)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		8.935.582.568	(47.302.086.467)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.280.435.110)	(4.049.953.548)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.037.300.000)	(16.250.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(2.470.336.959)	(856.389.223)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(5.788.072.069)	(21.156.342.771)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		104.115.392.531	75.175.042.289
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(113.561.085.187)	(42.206.480.814)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(9.445.692.656)	32.968.561.475
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i> (50 = 20+30+40)	50		(6.298.182.157)	(35.489.867.763)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		31.019.335.161	62.470.658.279
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		24.721.153.004	26.980.790.516

